

Bản án số: 43/2022/HS-ST

Ngày 27-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Nam

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hải và ông Nhữ Văn Vinh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị May - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10A/2022/HSST-QĐ ngày 11/5/2022; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 01/TB-TA ngày 23/5/2022 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1982; nơi sinh: xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Phường L, quận L, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và bà Phạm Thị B1; có vợ là Hoàng Thị B2 và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoài, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Phạm Thị T9, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

- Anh Đặng Hữu V9, sinh năm 1981;

- Bà Đặng Thị B9, sinh năm 1966;

- Bà Phạm Thị L9, sinh năm 1956.

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Anh Trịnh Hồng H9, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Ông Lê Văn T1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ bỏ đẻ của mình là ông Lê Văn T có quan hệ bất chính với chị Phạm Thị T9. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 24/10/2021, Lê Văn T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Fortuner BKS 34A-168.xx chở anh Trịnh Hồng H9 đi từ phường L, quận L, thành phố Hà Nội về quê ở xã B. Trên đường đi, T điều khiển xe vào nhà chị T9 để nói chuyện về việc ông T1 và chị T9 quan hệ bất chính. Khi đến nơi, T đỗ xe ô tô cách nhà chị T9 khoảng 15m, anh H9 ngồi trên ô tô xem điện thoại, còn một mình T đi vào nhà để tìm gặp chị T9 nhưng chị T9 không có nhà, T gặp bà Phạm Thị L9 là mẹ đẻ của chị T9. T ngồi ở phòng khách chờ khoảng 15 phút thì chị T9 đi về. Vừa thấy chị T9, T yêu cầu chị T9 vào trong nhà nói chuyện. T chửi bới chị T9 về việc có quan hệ bất chính với ông Lê Văn T1, chị T9 không thừa nhận. T dùng chân đạp sượt vào sườn bên trái của chị T9 và bắt chị T9 quỳ xuống đất. T dùng tay phải tát 02 phát vào mặt chị T9, chị T9 đứng dậy đi vào trong nhà, T dùng tay túm tóc chị T9 bắt quay trở lại phòng khách, bắt chị T9 tiếp tục quỳ gối, đồng thời yêu cầu chị T9 mở điện thoại Redmi 9A của chị T9 mở phần tin nhắn giữa chị T9 và ông T1, chị T9 nói không còn lưu giữ tin nhắn với ông T1. Chị T9 đang cầm điện thoại trên tay trái, T dùng tay phải giằng điện thoại của chị T9 rồi ra ô tô đi về. Khi ra đến cổng làng thì điện thoại bị khóa màn hình, T quay lại nhà chị T9 để bảo chị T9 nhập mật khẩu, mở điện thoại nhưng chỉ gặp bà L9 nên T quay ra ô tô điều khiển chở anh H9 về nhà người quen của T ở xã T để nghỉ nhờ (do thôn của anh H9 có ca nhiễm Covid-19 bị phong tỏa), sau đó T đi về nhà bỏ đẻ là ông T1 ở thôn B, xã B, huyện B. Quá trình diễn ra sự việc trên, anh H9 ngồi trên xe ô tô xem điện thoại, không biết việc T đánh và chiếm đoạt điện thoại của chị T9. Sau khi về đến nhà ông T1, T không mở được mật khẩu điện thoại nên tiếp tục đi quay lại nhà chị T9, lúc này nhà chị T9 đã khóa cổng, T nhảy qua bờ tường vào trong, lúc này chị T9 và bà L9 đang ngồi trong phòng khách. T nói với chị T9 "Mày mở tao mật khẩu điện thoại" và yêu cầu chị T9 viết mật khẩu ra tờ giấy, chị T9 viết số 1984, T cầm mảnh giấy đi ra đến đầu làng và nhập mật khẩu chị T9 cung cấp nhưng không thấy đúng, T lại tiếp tục quay lại nhà chị T9 và nhảy qua tường vào nhà bắt chị T9 tiếp tục mở mật khẩu máy điện thoại, sau khi chị T9 mở mật khẩu T cầm rồi đi về nhà ở phường L, quận L ngủ. Đến ngày 26/10/2021, T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện làm việc và giao nộp điện thoại đã chiếm đoạt của chị T9.

Kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐG ngày 03/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Bình Giang kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A màu đen của chị T9 có trị giá 1.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 14-4-2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo Lê Văn T về tội Cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, xác định VKSND huyện Bình Giang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như bản Cáo trạng đã nêu tại phiên tòa là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

- Đại diện VKSND huyện Bình Giang giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 32; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Cướp tài sản*”. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: đã được giải quyết xong. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản nhận dạng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 24/10/2021, tại nhà chị Phạm Thị T9 ở thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, do nghi ngờ bố đẻ là ông Lê Văn T1 có quan hệ bất chính với chị T9, Lê Văn T đã chửi bới, bắt chị T9 quỳ xuống nền nhà, dùng tay tát vào mặt, dùng chân đạp vào người rồi chiếm đoạt của chị T9 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi 9A trị giá 1.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm cùng lúc đến hai khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ đó là quan hệ nhân thân và quan hệ sở hữu. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 3.000.000^d; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên nhân bị cáo phạm tội xuất phát từ việc nghi ngờ bỏ đẽ là ông Lê Văn T1 có quan hệ bất chính với người bị hại là chị Phạm Thị T9, bị cáo dùng vũ lực chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị T9 mục đích để bỏ bị cáo thừa nhận và chấm dứt quan hệ tình cảm với chị T9. Bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên xét thấy không cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo, không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 3.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với điện thoại nhãn hiệu Redmi 9A màu đen bị cáo chiếm đoạt của bị hại, ngày 26/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại bị hại là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 32; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo;

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Cướp tài sản*”.

2. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T **36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng**, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Bình Giang;
- CQ CSĐT – CA huyện Bình Giang;
- CCTHADS huyện Bình Giang;
- CQ THAHS huyện Bình Giang;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS; Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thanh Nam